



THIẾT KẾ CHUẨN HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

TS. TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Khái niệm về chuẩn học tập

Trong giáo dục, thuật ngữ *Chuẩn học tập* (Learning Standards) được sử dụng để mô tả đầu ra mong đợi ở người học về những mục tiêu học tập cụ thể. Tương tự, thuật ngữ *chuẩn kết quả học tập của học sinh (HS)* (Child's Outcome Standards) được sử dụng để mô tả kiến thức, kĩ năng, năng lực, phẩm chất mà HS phải lĩnh hội được ở từng môn học hoặc từng lĩnh vực hoạt động của mỗi cấp, lớp của một bậc học. Như vậy, *chuẩn học tập* hay *chuẩn kết quả học tập* là sự mô tả kết quả mà HS cần đạt được về phẩm chất, năng lực, kiến thức, kĩ năng, thái độ... sau mỗi cấp học, lớp học, ở từng môn học.

Chuẩn học tập là căn cứ đo lường hoạt động của học sinh đáp ứng chuẩn nội dung ở mức nào. Chuẩn gồm ba thành tố có quan hệ tầng bậc và nội tại với nhau:

- 1/ Mạch (Strands) của một lĩnh vực học tập/môn học;
- 2/ Tổng thể các kiến thức, kĩ năng, thái độ, hành vi trong từng mạch;
- 3/ Mức độ sâu hoặc chi tiết của từng kiến thức, kĩ năng, thái độ, hành vi.

Theo xu thế hiện nay, chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) các nước xây dựng theo định hướng phát triển năng lực. *Năng lực* là khả năng thực hiện một hoạt động thực tiễn trên cơ sở huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng và các thuộc tính tâm lí của cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí... Do đó, thiết kế chuẩn học tập cho mỗi môn học phải thể hiện được sự gắn kết chặt chẽ của các thành tố thuộc cấu trúc năng lực.

2. Kinh nghiệm về thiết kế chuẩn học tập

2.1. Kinh nghiệm của Việt Nam

Chương trình GDPT của Việt Nam (ban hành năm 2006) là lần đầu tiên có *chuẩn kiến thức – kĩ năng* môn học. Đó là các yêu cầu cơ bản, tối thiểu về kiến thức, kĩ năng của môn học mà HS cần đạt được sau mỗi đơn vị kiến thức được học. Chuẩn được thiết kế chủ yếu bằng phương pháp chuyên gia, chưa được thử nghiệm trước khi ban hành chính thức, do đó có nhiều mức độ yêu cầu về kiến thức và kĩ năng chưa phù hợp với khả năng học tập của HS phổ thông.

Chuẩn kiến thức – kĩ năng trong chương trình GDPT hiện hành được thiết kế theo trục nội dung dạy học, chỉ hướng vào việc mô tả mức độ kiến thức, mức độ kĩ năng tách rời, ít mô tả những điều HS có thể làm được sau khi học mỗi môn học ở từng lớp. Do đó, chuẩn kiến thức – kĩ năng của chương trình hiện hành chưa hướng tới năng lực, nó chưa phải chuẩn năng lực,

không còn phù hợp với chương trình theo định hướng năng lực mà chúng ta đang tiến hành xây dựng.

2.2. Kinh nghiệm của các nước

Theo chương trình GDPT của một số nước (Hàn Quốc, Australia, Canada...), *chuẩn học tập* là được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực. Chương trình môn Ngữ văn Hàn Quốc xác định Chuẩn học tập thể hiện rõ những gì HS phải *làm được* với sự kết hợp nhuần nhuyễn kiến thức, kĩ năng và có thể phải huy động cả ý chí, cảm xúc... Ví dụ, ở mạch nội dung dạy nghe – nói ở khối lớp 5 – 6 (cuối cấp Tiểu học), Chuẩn học tập cần đạt là:

- 1/ Nghe hiểu bản tin và nêu ý kiến của bản thân;
- 2/ Biết cách đối thoại và thực hiện đối thoại có hiệu quả;
- 3/ Nghe và phán đoán tính khả thi của sự lập luận hay thuyết phục;
- 4/ Có tinh thần giải quyết các vấn đề của cuộc sống thông qua thảo luận;
- 5/ Nắm được trình tự và phương pháp thảo luận để tham gia tích cực;
- 6/ Ứng dụng phương tiện thông tin để phát biểu một cách hiệu quả;
- 7/ Nắm được đặc tính của giao tiếp thông qua phương tiện thông tin, thực hiện hội thoại phù hợp với ngôn ngữ truyền thông;
- 8/ Dự đoán mức độ ảnh hưởng và kết quả lời nói của mình đến người đối diện, để thực hiện nói một cách thận trọng;

- 9/ Nhận thức được tình trạng sử dụng tiếng lóng và việc sử dụng ngôn ngữ một cách chuẩn mực.

So sánh Chuẩn học tập ngôn ngữ của khối lớp 5, 6 (Chương trình Ngữ văn Hàn Quốc) với Chuẩn kiến thức – kĩ năng tiếng Việt lớp 6 (Chương trình Ngữ văn Việt Nam hiện nay) sẽ thấy rõ sự khác biệt của chuẩn xây dựng theo chương trình phát triển năng lực và chuẩn xây dựng theo chương trình nội dung (xem bảng 1 trang 7).

Từ những kinh nghiệm xây dựng chuẩn nêu trên, có thể nhận thấy chương trình theo hướng phát triển năng lực không thể trình bày tách rời mức độ cần đạt về kiến thức, kĩ năng, thái độ. Chuẩn phải thể hiện những gì HS thực hiện được nhờ sự huy động tổng thể của kiến thức, kiến năng, phương pháp, vốn trải nghiệm, tinh thần, thái độ... của người học để thực hiện một yêu cầu đặt ra.

3. Phương án thiết kế chuẩn học tập môn Ngữ văn ở Việt Nam

Theo Dự thảo Chương trình GDPT tổng thể, các môn học cùng hướng đến hình thành và phát triển

Bảng 1: So sánh Chuẩn học tập ngôn ngữ của khối lớp 5, 6 Chương trình Ngữ văn Hàn Quốc với Chuẩn kiến thức – kĩ năng tiếng Việt lớp 6 Chương trình Ngữ văn Việt Nam hiện nay

Chương trình của Hàn Quốc	Chương trình của Việt Nam
1/ Sử dụng thành thục và chính xác các từ ngữ dễ bị nhầm lẫn giữa phát âm, phiên âm và cách viết; 2/ Nắm được sự đa dạng về ngữ nghĩa của từ ở từng trường hợp để sử dụng một cách hiệu quả; 3/ Hiểu khái niệm và đặc trưng của từ thuần Hàn, từ Hán – Hàn và từ ngoại lai để hiểu được đặc trưng của từ vựng; 4/ Nắm được nhiều cách liên kết mệnh đề để tạo các câu văn đúng với ý biểu đạt; 5/ Hiểu thành phần câu cơ bản trong ngôn ngữ và tạo ra câu có sự liên kết qua lại giữa các thành phần câu; 6/ Hiểu đặc trưng của quán ngữ để sử dụng đúng trong tình huống hội thoại.	- Hiểu vai trò của tiếng trong cấu tạo từ; - Hiểu thế nào là từ đơn, từ phức; - Hiểu thế nào là từ Hán Việt; - Hiểu nghĩa và biết cách sử dụng một số từ Hán Việt thông dụng; - Hiểu thế nào là nghĩa của từ; - Biết tìm hiểu nghĩa của từ trong văn bản và giải thích nghĩa của từ; - Biết dùng từ đúng nghĩa trong nói và viết; - Hiểu thế nào là hiện tượng nhiều nghĩa, nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ nhiều nghĩa; - Biết đặt câu với nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ nhiều nghĩa; - Hiểu thế nào là danh từ, động từ, tính từ, số từ, lượng từ, chỉ từ, phó từ, v.v...

Bảng 2: Thiết kế Chuẩn học tập cho môn Tiếng Việt (hoặc Ngữ văn) cấp Tiểu học

Mạch/ Nội dung học tập	Yêu cầu cần đạt (Kiến thức + Kĩ năng + Thái độ)	Phát triển năng lực
Đọc	- Đọc được các chữ cái, phân biệt âm đầu, vần, tiếng; chú ý đến việc đọc đúng; - Đọc thành tiếng từ và câu rõ ràng, chính xác, hiểu nghĩa của từ và câu trong khi đọc; - Đọc thành tiếng đoạn văn, ngắt nghỉ đúng, thể hiện việc hiểu nội dung đoạn; - Đọc diễn cảm với sự hứng thú, thể hiện việc hiểu nội dung đoạn, bài (về tính cách nhân vật, về các tình tiết, sự kiện, thông tin thú vị...); - Liên hệ với những trải nghiệm của bản thân từ nội dung bài đọc; - Nhận xét được cảm xúc, tâm trạng, tính cách nhân vật... trong bài đọc; - Phán đoán cảm xúc, tâm trạng của tác giả được thể hiện trực tiếp hoặc gián tiếp; - Nắm được nội dung, thông tin chính của bài; tóm tắt được nội dung bài; - Xác định được ý trọng tâm và ý nghĩa của bài đọc đối với bản thân; - Đánh giá nội dung ý nghĩa hoặc những thông tin quan trọng của bài dựa trên suy nghĩ và ý kiến của bản thân; - Chia sẻ với người khác những cảm nhận về bài đọc hoặc những điều học tập được từ bài đọc. (...)	- Năng lực tiếp nhận; - Năng lực tư duy sáng tạo; - Năng lực giao tiếp; - Năng lực thẩm mĩ (cảm xúc thẩm mĩ).
Viết	- Thuộc chữ cái và viết đúng chữ cái; - Viết câu văn đúng chính tả, biểu đạt cảm xúc, suy nghĩ, mong muốn... của bản thân; - Viết được đoạn văn (ngắn/dài) nêu đúng đặc điểm của đối tượng; - Thuật lại được những sự việc xảy ra xung quanh và nêu suy nghĩ, nhận xét của bản thân...; - Kể lại được những sự việc đã trải qua hoặc những việc để lại ấn tượng khó quên; - Viết đoạn văn giải thích về một sự việc, hiện tượng..., giúp người khác hiểu; - Viết được đoạn văn, bài văn miêu tả hoặc kể chuyện về những điều chỉ có trong tưởng tượng, sử dụng những từ ngữ tạo hứng thú hoặc ngạc nhiên cho người đọc; - Viết tin nhắn, thư từ, đơn từ đơn giản...trong những tình huống thiết thực của đời sống.	- Năng lực tạo lập văn bản; - Năng lực tư duy sáng tạo; - Năng lực giao tiếp; - Năng lực thẩm mĩ (cảm xúc thẩm mĩ).

năng lực của người học. Dự thảo Chương trình GDPT tổng thể nêu ra 7 năng lực chung: 1/ Năng lực tự học; 2/ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; 3/ Năng lực ngôn ngữ và giao tiếp; 4/ Năng lực hợp tác; 5/ Năng lực tính toán; 6/ Năng lực công nghệ thông tin và truyền thông; 7/ Năng lực thẩm mĩ. Trong 7 năng lực này, môn Ngữ văn có khả năng phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết

vấn đề, năng lực thẩm mĩ,... Năng lực ngôn ngữ có thể chia thành hai nhóm năng lực: a/ Năng lực tiếp nhận (nghe, đọc, nhìn, xem, đánh giá) những loại văn bản khác nhau; b/ Năng lực tạo lập (nói, viết, sáng tạo, trình bày) những loại văn bản khác nhau cho những mục đích cá nhân và xã hội.

(Xem tiếp trang 54)